

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phạm Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2045/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Lê Nguyễn Thanh V, sinh năm 1996; Địa chỉ: 373 Quốc Lộ 61, khu phố MP, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG; Địa chỉ liên lạc: 780 Tỉnh lộ 10, phường BTĐ, quận BT, Thành phố HCM. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Ông Bùi Đức A, sinh năm 1995; Địa chỉ: 856 Phạm Văn Thuận, khu phố 1, phường TM, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn bà Lê Nguyễn Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ nguyên đơn bà V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Lê Nguyễn Thanh V) và ông Bùi Đức A chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG và được UBND thị trấn ML cấp giấy chứng nhận kết hôn số 259 ngày 26/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân ông A không quan tâm chăm sóc gia đình, không tu chí làm ăn mà chỉ lo cá độ đá banh, nhậu nhẹt...; mâu thuẫn về suy nghĩ, cách sống và tiền bạc nên thường xuyên xảy ra cãi vã trong suốt quá trình sống chung không giải quyết được, vợ chồng ngồi lại nói chuyện để hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay

mỗi người ở mỗi nơi không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng, không gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi (V) làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Bùi Đức A.

- Về con chung: Tôi (Lê Nguyễn Thanh V) và ông Bùi Đức A có 01 con chung tên Bùi Lê Minh Q, sinh ngày 15/5/2019. Khi ly hôn, tôi đề nghị giao con chung tên Q cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Bùi Đức A có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bản tự khai có tại hồ sơ bị đơn ông A trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Bùi Đức A) và bà Lê Nguyễn Thanh V tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG và được UBND thị trấn ML cấp giấy chứng nhận kết hôn số 259 ngày 26/12/2018. Quá trình sống chung vợ chồng thường cãi vã lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay bà V có đơn khởi kiện xin ly hôn với tôi thì tôi đồng ý ly hôn với bà Lê Nguyễn Thanh V.

- Về con chung: Tôi (Bùi Đức A) và bà Lê Nguyễn Thanh V có 01 con chung tên Bùi Lê Minh Q, sinh ngày 15/5/2019. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao con chung tên Q cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Thanh V về quan hệ hôn nhân, về con chung. Còn về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Nguyễn Thanh V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Đức A, sinh năm 1995; Địa chỉ: 856 Phạm Văn Thuận, khu phố 1, phường TM, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Lê Nguyễn Thanh V và bị đơn ông Bùi Đức A đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, xét đơn của bà V và ông A làm hợp lệ nên chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Thanh V và bị đơn ông Bùi Đức A chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG và được UBND thị trấn ML cấp giấy chứng nhận kết hôn số 259 ngày 26/12/2018. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa bà V và ông A được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lê Nguyễn Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà V kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Đức A, vì mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp hòa giải để ông A và bà V đoàn tụ nhưng ông Anh có đơn đề nghị Tòa án hòa giải vắng mặt ông nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Theo biên bản xác minh tại UBND phường TM ngày 22/3/2021 có ghi nhận nội dung: “Mâu thuẫn giữa bà Lê Nguyễn Thanh V ông Bùi Đức A địa phương không nắm rõ do đương sự không thông báo”. Tại bản tự khai ngày 29/3/2021, bị đơn ông Bùi Đức A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Thanh V nên HĐXX ghi nhận.

Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn, trình bày của bị đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông A là có thật, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng, mỗi người ở mỗi nơi không gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho bà Lê Nguyễn Thanh V được ly hôn với ông Bùi Đức A.

- Về con chung: Bà Lê Nguyễn Thanh V và ông Bùi Đức A có 01 con chung tên Bùi Lê Minh Q, sinh ngày 15/5/2019. Khi ly hôn, bà V đề nghị giao cháu Q cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản khai ngày 29/3/2021 bị đơn ông Bùi Đức A đồng ý giao con chung tên Bùi Lê Minh Q cho bà Vy chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông A không phải cấp dưỡng nuôi con, ý chí của ông Anh là tự nguyện nên ghi nhận.

Bà V hiện đang là nhân viên chăm sóc khách hàng (Sale Admind) của Công ty LEC Group tại địa chỉ: 59 Xa Lộ Hà Nội, phường TĐ, Quận 2, Thành phố HCM, thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng (Tám triệu đồng trên tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con; có nhà ở tại địa chỉ: 780 Tỉnh lộ 10, phường BTĐ, quận BT Thành phố HCM; cháu Bùi Lê Minh Q, sinh ngày 15/5/2019 dưới 36 tháng tuổi nên việc giao cháu Q cho bà V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Bà Lê Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Thanh V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Thanh V được ly hôn với ông Bùi Đức A.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Bùi Lê Minh Q, sinh ngày 15/5/2019 cho bà Lê Nguyễn Thanh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Bùi Đức A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Đức A không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số 0006849 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà V đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Nguyễn Thanh V và bị đơn ông Bùi Đức A đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND thị trấn MLương, huyện CT, tỉnh KG (Giấy chứng nhận kết hôn số 259 ngày 26/12/2018);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(Đã ký)

**Nguyễn Phạm Tuân**